

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+TD5+JS2	7:25	13+7+2	0+0+0		0+7+15	0+0+0	CHUYỂN 1
2		M/RM+P10+TD5	7:25	3+0+18	0+0+0		0+3+19	0+0+0	M/RM-TD5
3		P1+P2+TD3	7:25	5+4+13	0+0+0		0+7+15	0+0+0	CHUYỂN 2 TD5 BK8
4		TD5+BK8+TD2	9:25	21+0+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
5		TD3+P5	9:25	18+4	0+0		17+4	0+0	
6		GTCl+JS2+RC4	9:25	8+14+0	0+0+0		6+15+1	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK6 - TD5 - JS2	CREW: Vận - Dương - Toàn	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HOAN	BK6	71-72	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI VAN THIET	BK6	04	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
3	LE HUY DUAN	BK6	904-905	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG THOA	BK6	08	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VINH PHONG	BK6	06	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG KHAC CUONG	BK6	07	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
7	KIM VAN TINH	BK6	09-10	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN QUANG LUU	BK6	02	1	5	82	70	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN DUC CHIN	BK6	03-04	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
10	LE HUY CHUONG	BK6	902-903	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN DUC HAO	BK6	200,300	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TIEN	BK6	201	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
13	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	29	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH THU*TT	TD5	32	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	HO HOAN KIEM	TD5	33	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TAN TAI	TD5	30	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	BAO NGUYEN LOC	TD5	28	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HOA	TD5	31	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN NHU Y	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
20	HUYNH KIM LONG	JS2	70	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	DANG KHAC DUONG	JS2	82,64	2	10	15	75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	12	18	163	838	82	0		
2	TD5	7	6	29	520	0	15		
3	JS2	2	3	15	145	15	7		
TOTAL		21	27	207	1.503	97	22		
WEIGHT KG				207	1.503	97			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: MRM - P10 - TD5	CREW: Khang - MTHAO - Luy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG HẬU	MRM	52	1	7	25	75	OSB	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TUÂN	MRM	700	1	7		59	OSB	Vietnamese
3	BUI MẠNH PHÚC	MRM	53	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN BÁ HOA	TD5	67	1	4	40	68	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN DUY ĐỨC	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VŨ NGỌC	TD5	69	1	8	25	77	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	70	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VIỆT THĂNG	TD5	71	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU ĐẠT*TN-PVD	TD5	65-66	2	13		80	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG XUÂN THỊ	TD5	75	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN KHAI	TD5	73	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	62	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD5	78	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TIẾN DŨNG	TD5	68	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HUY TIẾN HAI	TD5	79	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	63	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	72,74	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	76-77	2	10		59	KHOAN	Vietnamese
19	LƯU XUÂN HẠNH*CAM-PVDT	TD5	64	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN DU	TD5	61	1	4	75	58	DVL	Vietnamese
21	ĐO HOÀI THANH	TD5	81-82	2	15		72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

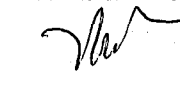
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	3	3	22	204	25	0+		CHUYỂN 1 PAX TỪ MRM SANG TD5
2	P10	0	0	0	0	0	3		
3	TD5	18	21	119	1.281	140	19		
TOTAL		21	24	141	1.485	165	22		
WEIGHT KG				141	1.485	165			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 03	TO: P1 - P2 - TD3	CREW: Phong - VLin - NNam	ETA: 11:40
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC DINH	P1	03-04	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI CONG THANH	P1	02	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN HAI SON	P1	01	1	10	34	73	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐO MẠNH HUNG	P1	08-09	2	12		58	XAYLAP	Vietnamese
5	MAI DUY TAN	P1	05-07	3	17		65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG KIEN	P2	86-87	2	10		68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VIET LỘC	P2	90-91	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG THAI TAI	P2	85	1	10	21	65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MINH TÂM	P2	88-89	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	01	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG HÀ	TD3	09-10	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TUÂN ANH	TD3	35	1	2		89	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ DUY CHINH	TD3	06	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH DUY SƠN	TD3	03	1	15		84	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUNG	TD3	36	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TUÂN-PVD	TD3	04	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG HÒA	TD3	07-08	2	17	19	69	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN KHOA	TD3	02	1	4	20	70	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	37	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
21	HA VAN PHUC	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN HỮU THỌ	TD3	05	1	6		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	5	9	74	354	34	0		
2	P2	4	7	52	252	21	7		
3	TD3	13	13	81	969	39	15		
TOTAL		22	29	207	1.575	94	22		
WEIGHT KG				207	1.575	94			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: TD5 - BK8 - TD2	CREW: Vận - Dương - Toàn	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THANH HẢI	TD5	34	1	8		65	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD5	36	1	10		60	DVL	Vietnamese
3	THÂN VĂN KIẾN	TD5	39	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
4	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	TD5	42-43	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THẮNG	TD5	40-41	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese
6	PHI ĐỨC THỊNH	TD5	87	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN QUYÊN	TD5	54-55	2	14		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	TD5	56-57	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ĐĂNG TIẾN	TD5	38	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
10	HÀ MẠNH HÙNG	TD5	88	1	11		52	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ XUÂN CHÍNH	TD5	35	1	16		60	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TOÀN	TD5	44	1	16	15	75	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THẢO	TD5	46	1	6		77	PSV	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN THUẬN	TD5	48	1	7		85	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	TD5	50	1	3		75	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MINH HÙNG	TD5	52	1	3		87	PSV	Vietnamese
17	TRỊNH QUỐC HÙNG	TD5	43	1	4		73	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HAI HOÀN	TD5	47	1	6		70	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN THỊNH	TD5	37	1	3		47	PSV	Vietnamese
20	PHẠM QUANG HUY	TD5	49	1	2		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG MINH	TD5	51	1	4		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	25	192	1.411	15	14+2		CHUYỂN 2PAX TD5 SANG BK8
2	BK8	0	0	0	0	0	0		
3	TD2	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	25	192	1.411	15	22		
WEIGHT KG				192	1.411	15			

GRAND TOAL: 1.618 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	TO: TD3 - P5	CREW: Khang - MTHAO - Luy	ETA: 11:45
TRANG 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG HUY LONG	TD3	39	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH ĐÌNH	TD3	29	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
3	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	32	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NGOC NGHIA	TD3	31	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN TRUC TUYEN	TD3	33	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC THẮNG	TD3	36	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ TIẾN LỰC	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	30	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
9	PHUNG VAN XUYEN	TD3	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGO ĐOAN ĐỨC	TD3	35	1	10		81	KHOAN	Vietnamese
11	ĐÌNH CHÍ CÔNG	TD3	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HỮU HẬU	TD3	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HUU LUAN	TD3	37	1	11		71	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD3	40	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
15	DAU SY DIEP	TD3	28	1	5	40	78	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD3	42-43	2	18		52	DVL	Vietnamese
17	CHU ĐÌNH THANH	TD3	41	1	5		50	DVL	Vietnamese
18	HOANG GIANG LAM	TD3					79	PSV	Vietnamese
19	ZHUK YURY	P5	31-32	2	15		105	KH-THAC	Russian
20	NGUYEN KHAC THANH CHUNG	P5	33	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC KHOI	P5	800	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI XUAN TRUONG	P5	34	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	18	17	109	1.235	40	17		
2	P5	4	5	40	302	0	4		
TOTAL		22	22	149	1.537	40	21		
WEIGHT KG				149	1.537	40			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: GTC1 - JS2 - RC4	CREW: Phong - VLin - NNam	ETA: 11:50
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH NGỌC HUNG	GTC1	79	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
2	VÔ NGUYỄN MINH PHƯỚC	GTC1	83-84	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CAO TRI	GTC1	75-76	2	10	40	60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	GTC1	87	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ TIẾN MẠNH	GTC1	77-78	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN QUÂN	GTC1	88-89	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
7	LẠI HUY CƯỜNG	GTC1	85-86	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
8	VÔ HOANG TIẾN	GTC1	40	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRONG TẠNG	JS2	42	1	10		84	KHOAN	Vietnamese
10	LE VĂN NAM	JS2	58	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC BIÊN	JS2	74	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TUÂN NGHĨA	JS2	43	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	JS2	44	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC THƯƠNG	JS2	50	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	JS2	45	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC MẠNG	JS2	51	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
17	LE THANH NGỌC	JS2	41	1	5		48	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HAI	JS2	23,34	2	8		75	KHOAN	Vietnamese
19	PODKATILIN	JS2	15	1	5		82	KHOAN	Russian
20	NGUYỄN TIẾN VINH	JS2	55,48	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐỨC	JS2	32	1	10	17	80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	8	13	123	550	40	6		
2	JS2	13	15	95	960	17	15		
3	RC4	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	28	218	1.510	57	22		
WEIGHT KG				218	1.510	57			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/03/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+P4+BK4	7:25	2+20+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
2		PPD+BK5+BK3	7:25	21+0+1	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
3		TD5+CLO+RP3	7:25	5+4+13	0+0+0		5+1+16	0+0+0	
4		P9+P8+P4	9:25	4+6+12	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
5		P1+BK8+VSP02	9:25	7+7+6	0+0+0		6+10+6	0+0+0	
6		P10+P2+VSP01	9:25	3+7+5	0+0+0		3+13+6	0+0+0	

TTBDSX

TS2 - 14h00 - ad hoc (TS2 theo dõi)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TTC2 - P4 - BK4	CREW: Khang - MTuân - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRONG NGHIA	TTC2	59	1	7	15	70	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG TIẾN TOÀN	TTC2	58	1	12		67	CODIEN	Vietnamese
3	QUACH VAN TOI	P4	86	1	6	30	72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	P4					70	KHI	Vietnamese
5	BUI THANH AN	P4	87	1	5		66	KHI	Vietnamese
6	ĐO ĐỨC LONG	P4	91	1	4		55	KHI	Vietnamese
7	HOANG VAN HUNG	P4					75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	89	1	3		81	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THAI	P4	92	1	4		61	KHI	Vietnamese
10	HOANG TRỌNG TÂN	P4	88	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	98	1	3		72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ANH	P4	17	1	4		61	KHI	Vietnamese
13	DOAN THANH CÔNG	P4	15-16	2	10		75	KHI	Vietnamese
14	TA VĂN QUYNH	P4					72	KHI	Vietnamese
15	BUI ĐẶNG TIẾN	P4	90	1	6		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	93	1	3		69	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỮU THỌ	P4	14	1	7		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	18	1	6		70	KHI	Vietnamese
19	LE XUAN HIEN	P4	95	1	14		62	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐO XUAN HIỆP	P4	96-97	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG NGOC HA	P4	94	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	2	2	19	137	15	0		
2	P4	19	18	107	1.313	30	18		
3	BK4	0	0	0	0	25	4		
TOTAL		21	20	126	1.450	70	22		
WEIGHT KG				126	1.450	70			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: PPD - BK5 - BK3	CREW: Phong - Mạnh - Luy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	58	1	5		65	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	PPD	64	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	60	1	5		65	KHI	Vietnamese
4	ĐINH NGỌC QUY	PPD	57	1	5		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD					72	KHI	Vietnamese
6	VÔ QUANG ĐẠT	PPD					60	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	55	1	5		65	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	62	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	68	1	5	70	65	KHI	Vietnamese
10	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	59	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	VU VĂN CHIẾN	PPD	65	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ANH	PPD	74	1	5		72	KHI	Vietnamese
13	LÊ HỒNG PHONG	PPD	63	1	7		82	KHI	Vietnamese
14	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	61	1	5		63	KHI	Vietnamese
15	ĐẠO ANH TUÂN	PPD	56	1	5		68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	PPD	69	1	5		68	KHI	Vietnamese
17	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	66	1	5		90	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	99	1	5		53	KHI	Vietnamese
19	LÊ HUY VINH	PPD	67	1	5		65	KHI	Vietnamese
20	KAZIKOV	PPD	54	1	10		100	ANTOAN	Russian
21	TRẦN HUNG LONG	BK3	23-24	2	15	30	65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	18	97	1.405	70	16		
2	BK5	0	0	0	0	20	2		
3	BK3	1	2	15	65	30	4		
TOTAL		21	20	112	1.470	120	22		
WEIGHT KG				112	1.470	120			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: TD5 - CLO - RP3	CREW: Vận - ĐNam - Năm	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH THÁI	TD5	83	1	11		92	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ XUÂN THĂNG	TD5	78-79	2	18		85	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ HỮU HÙNG	TD5	82	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
4	DUƠNG QUỐC VIỆT	TD5	80-81	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG SINH	CLO	81	1	8		77	DVL	Vietnamese
6	PHAM VAN CUONG	CLO	82-83	2	18	48	85	DVL	Vietnamese
7	VÔ CHI THANH	CLO	84-85	2	15		73	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN TRỌNG TÂM	RP3	22	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG NAM	RP3	23	1	5		80	KHI	Vietnamese
10	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	25	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	27	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	BUI VAN PHU	RP3	24	1	4		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN CHINH THI	RP3	31	1	4		75	KHI	Vietnamese
14	LÊ HOANG ANH	RP3	26	1	4		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TAT THANH	RP3	30	1	4		68	KHI	Vietnamese
16	TRINH XUAN HUYEN	RP3					72	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN THANH HA	RP3	32	1	4		82	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VIET KY	RP3	28	1	5		85	KHI	Vietnamese
19	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	29	1	3		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VĂN BÌNH	RP3					65	KHI	Vietnamese
21	DO VIET LONG	RP3	33	1	10		58	CO KHI	Vietnamese
22	NGUYEN VAN DOAN	RP3	34	1	10		95	CO KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	4	6	49	337	0	1		
2	CLO	3	5	41	235	48	4		
3	RP3	15	13	69	1.100	0	16		
TOTAL		22	24	159	1.672	48	21		
WEIGHT KG				159	1.672	48			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: P9 - P8 - P4	CREW: Khang - MTuần - DTùng	ETA: 11:10
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN KIM	P9	94-95	2	8		65	PSV	Vietnamese
2	LÊ VĂN VIỆT	P9	83	1	5	20	78	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	96	1	5		70	PSV	Vietnamese
4	LÊ HỮU CHỨC	P9	97	1	5		65	PSV	Vietnamese
5	TRƯƠNG HẢI HÀ	P8	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P8	47	1	5		67	PSV	Vietnamese
7	HÀ VĂN THIÊN	P8	40	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HẬU	P8	50	1	7		65	PSV	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH CUÔNG	P8	45	1	5	55	50	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P8	48	1	5		85	PSV	Vietnamese
11	PHẠM HỮU MÃN	P4	44-45	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
12	CHU TIẾN CUÔNG	P4	37	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HẢI	P4	36	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P4	42-43	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
15	VÕ QUỐC TUẤN	P4	34	1	12		82	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI HỒNG SANG	P4	35	1	12		90	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	40	1	5		80	PSV	Vietnamese
18	TRẦN THANH LIÊM	P4	41	1	7		65	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN MUỘI	P4	38	1	4		55	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P4	39	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CUÔNG	P4	23	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN AI	P4	22	1	5		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	4	5	23	278	20	4		
2	P8	6	6	32	407	55	5		
3	P4	12	14	107	812	0	13		
TOTAL		22	25	162	1.497	75	22		
WEIGHT KG				162	1.497	75			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: P1 - BK8 - VSP02	CREW: Phong - Mạnh - Luy	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN SỸ HƯA	P1	73-74	2	18		57	T-TIN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HIỆP	P1	800	1	7		75	PSV	Vietnamese
3	LÊ HỒNG MINH	P1	72	1	8		72	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	P1	98	1	5		55	PSV	Vietnamese
5	HÀ VĂN THIỀU	P1	97	1	5		57	PSV	Vietnamese
6	PHAN SỸ HOÀN	P1	99	1	8		64	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	P1	95-96	2	15		65	PSV	Vietnamese
8	CAO VĂN GIÁP	BK8	30	1	8		84	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC THẮNG	BK8	31-32	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI THANH LONG	BK8	05	1	11		80	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN HỮU QUYNH	BK8	36	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
12	TRỊNH ĐẶC HÙNG	BK8	35	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐỒNG	BK8	33-34	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI SON HAI	BK8	29	1	11		63	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02	88,70	2	14		80	PSV	Vietnamese
16	VÕ XUÂN TOÀN	VSP02	68	1	5		80	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN TRUNG	VSP02	67	1	5		78	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TUÂN	VSP02	84	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	69	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	LUƠNG MẠNH HƯƠNG	VSP02	85	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

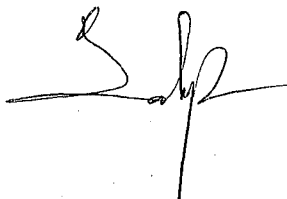
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	9	66	445	0	6		
2	BK8	7	9	92	482	0	10		
3	VSP02	6	7	37	438	0	6		
TOTAL		20	25	195	1.365	0	22		
WEIGHT KG				195	1.365	0			

GRAND TOAL: 1.560 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: P10 - P2 - VSP01	CREW: Vận - ĐNam - Năm	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN MINH BACH	P10	58	1	6	50	64	PSV	Vietnamese
2	BUI VAN QUANG	P10					70	PSV	Vietnamese
3	DO DAI DUONG	P10	89	1	4		60	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN DUY TIẾP	P2	10	1	7	20	63	PSV	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HIỆP	P2	05	1	6		77	PSV	Vietnamese
6	PHẠM XUAN HUNG	P2	04	1	7		76	PSV	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG VĂN	P2	07	1	6		72	PSV	Vietnamese
8	TRẦN TRUNG KIEM	P2	06	1	7		67	PSV	Vietnamese
9	TRƯƠNG TRỌNG HẠN	P2	08	1	3		55	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P2	09	1	8		60	PSV	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGỌC	VSP01	92	1	5	55	75	PSV	Vietnamese
12	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	90	1	5		69	PSV	Vietnamese
13	KIỀU VĂN TUÂN	VSP01	93	1	8		76	PSV	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGHĨA	VSP01	89	1	7		55	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01	92	1	3		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	3	2	10	194	50	3		
2	P2	7	7	44	470	20	13		
3	VSP01	5	5	28	350	55	6		
TOTAL		15	14	82	1.014	125	22		
WEIGHT KG				82	1.014	125			

GRAND TOAL: 1.221 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT:	TO: JS2	CREW: Khang - THẢO - Toàn	ETA: 15:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VO LE DUY TAN	JS2	39	1	5	25	82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	1	1	5	82	25	0		
TOTAL		1	1	5	82	25	0		
WEIGHT KG				5	82	25			

GRAND TOAL: 112 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN